TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tài

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Tuyền -Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long:*** Không tham gia.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2022, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Thanh X, sinh năm 1993 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: số F, đường N, phường Q, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1990 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp C xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 05/02/2022 nguyên đơn chị Dương Thị Thanh X trình bày: Chị và bị đơn anh Lê Hoàng T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ tháng 08 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất hòa nhau, sống không hạnh phúc, quan điểm sống của mỗi người khác nhau,

thường xuyên cự cãi nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay đã 05 năm. Chị xác định quan hệ hôn nhân đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị X, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh T không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn người làm chứng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: chị Dương Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng T, có địa chỉ ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Thị Thanh X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Lê Hoàng T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh Lê Hoàng T vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị Thanh X và anh Lê Hoàng T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường F, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 161/2014, quyển 01/2014 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị X cho rằng Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ tháng 08 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất hòa nhau, sống không hạnh phúc, quan điểm sống của mỗi người

khác nhau, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay đã 05 năm. Xét lời trình bày chị X phù hợp với xác nhận của cha mẹ chị X. Mặt khác, việc yêu cầu ly hôn của chị X thì anh T không có ý kiến gì, cũng không tham gia hòa giải. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích Hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị X xác định không có con chung nên miễn xét,

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị X, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm: chị X phải nộp 300.000đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Thanh X

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Dương Thị Thanh X được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị Thanh X phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị X đã nộp theo biên lai thu số 0014545 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban nhân dân phường Q, quận B, TP HCM, (Giấy kết hôn số: 167, ngày 18/12/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong